

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM
XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (tên giao dịch: My Xuan Brick Tile Pottery and Construction Joint Stock Company) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Xí nghiệp Gạch Ngói Gốm Xây dựng thuộc Công ty Phát triển Khoáng sản 6 theo Quyết định số 168/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000078 ngày 18 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác đất sét;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gốm và vật liệu xây dựng, kinh doanh nguyên vật liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán gạch ngói gốm;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, nhà cho thuê;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật mở;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Dư Quốc Trung	Chủ tịch
Ông Ngô Thành Cương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
Ông Lưu Thanh Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Hoàng Văn Thái	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên
Bà Phạm Thị Hương Duyên	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Văn Sơn, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 33 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Phạm Việt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2024



Số: 158/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân được lập ngày 25/03/2024, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Tổng Giám đốc



Cao Thị Hồng Nga

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0613-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Kiểm toán viên

Nguyễn Hồng Nga

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1266-2023-152-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58.046.985.732	71.704.805.259
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.502.229.836	24.821.282.177
1. Tiền	111		7.502.229.836	4.821.282.177
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.302.926.688	8.324.695.664
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.578.959.909	2.614.434.679
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.362.375.000	3.532.674.360
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	3.361.591.779	2.177.586.625
III. Hàng tồn kho	140	V.6	41.768.311.997	38.090.288.418
1. Hàng tồn kho	141		41.768.311.997	38.090.288.418
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		473.517.211	468.539.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	36.431.556	456.565.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		425.112.155	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.11b	11.973.500	11.973.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		109.735.268.114	116.650.099.138
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.696.214.543	818.063.892
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.696.214.543	818.063.892
II. Tài sản cố định	220		39.254.655.382	48.164.835.200
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	32.069.550.660	39.792.035.278
- Nguyên giá	222		138.672.600.594	138.245.237.224
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.603.049.934)	(98.453.201.946)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	7.185.104.722	8.372.799.922
- Nguyên giá	228		26.199.164.502	25.848.986.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.014.059.780)	(17.476.186.580)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	65.125.536.896	64.787.007.605
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		65.125.536.896	64.787.007.605
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.000.000.000	2.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		658.861.293	880.192.441
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	658.861.293	880.192.441
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		167.782.253.846	188.354.904.397



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		48.507.614.854	73.411.849.301
I. Nợ ngắn hạn	310		47.169.614.854	70.741.849.301
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	11.396.261.848	22.045.493.794
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	512.702.363	630.928.980
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.13	2.171.034.938	10.520.122.720
4. Phải trả người lao động	314		5.030.425.360	13.080.369.442
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.479.679.334	1.269.674.778
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	11.599.136.700	1.332.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.980.374.311	21.863.259.587
II. Nợ dài hạn	330		1.338.000.000	2.670.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	1.338.000.000	2.670.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		119.274.638.992	114.943.055.096
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	119.274.638.992	114.943.055.096
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90.406.970.000	90.406.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.406.970.000	90.406.970.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(62.460.000)	(62.460.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.496.329.753	1.340.546.039
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.449.439.018	2.041.778.755
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.984.360.221	21.216.220.302
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.721.548.066	5.823.901.011
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.262.812.155	15.392.319.291
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		167.782.253.846	188.354.904.397

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lưu Thị Mai

Trần Thị Cảnh

Nguyễn Văn Sơn

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	193.390.529.470	286.795.933.215
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	19.792.500	4.392.700
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	193.370.736.970	286.791.540.515
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	129.097.357.336	179.656.837.125
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.273.379.634	107.134.703.390
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	232.140.768	578.046.422
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	752.776.544	527.641.114
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		752.776.544	527.641.114
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	19.587.005.808	32.674.943.377
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	13.976.744.628	18.094.948.604
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.188.993.422	56.415.216.717
11. Thu nhập khác	31	VI.9	21.384.430	6.026.497
12. Chi phí khác	32	VI.10	410.263.149	1.429.048.366
13. Lợi nhuận khác	40		(388.878.719)	(1.423.021.869)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.800.114.703	54.992.194.848
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	6.164.475.570	11.410.517.524
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.635.639.133	43.581.677.324
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	2.041	3.129

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lưu Thị Mai

Trần Thị Cảnh

Nguyễn Văn Sơn

Ngày 28 tháng 3 năm 2024



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	29.800.114.703	54.992.194.848
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.944.728.188	10.963.786.896
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(232.140.768)	(535.105.774)
- Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	06	752.776.544	527.641.114
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	40.265.478.667	65.948.517.084
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.898.782.550)	3.173.960.128
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.678.023.579)	(20.238.997.512)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(19.444.879.908)	18.337.740.418
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	929.689.801	(10.962.753.830)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(725.766.167)	(538.055.659)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.274.070.226)	(4.341.496.707)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.464.707.477)	(6.649.611.965)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.291.061.439)	44.729.301.957
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.128.397.097)	(4.558.683.349)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	-
3. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	316.524.215	461.643.160
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(811.872.882)	(4.097.040.189)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	42.498.117.408	13.278.497.128
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(33.562.980.708)	(22.767.641.652)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.151.254.720)	(22.032.062.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.216.118.020)	(31.521.206.924)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(17.319.052.341)	9.111.054.844
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.821.282.177	15.710.227.333
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.502.229.836	24.821.282.177

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Lưu Thị Mai

Trần Thị Cảnh

Ngày 28 tháng 3 năm 2024



Ông Giám đốc

Nguyễn Văn Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (tên giao dịch: My Xuan Brick Tile Pottery and Construction Joint Stock Company) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá xí nghiệp Gạch Ngói Gốm Xây dựng thuộc Công ty Phát triển Khoáng sản 6 theo Quyết định số 168/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000078 ngày 18 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 335 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 353 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác đất sét;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gốm và vật liệu xây dựng, kinh doanh nguyên vật liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán gạch ngói gốm;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, nhà cho thuê;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật mỏ;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại cuối năm, cấu trúc Công ty bao gồm 1 trụ sở chính và 1 văn phòng đại diện. Chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	Số 503 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tồn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	05 - 38 năm
- Chi phí thăm dò mỏ sét	10 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

1384
NG T
HIỆM H
TƯ T
KH K
EM T
I VIỆ
HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong năm. Ngoài ra, còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại

trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	743.594.000	1.718.091.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.758.635.836	3.103.191.177
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
Cộng	7.502.229.836	24.821.282.177

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

(*) Số Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Công ty đang sở hữu tại ngày 31/12/2023 là 20.000 trái phiếu (tại ngày 31/12/2022 là 20.000 trái phiếu) với mệnh giá là 100.000 VND/ trái phiếu, có kỳ hạn 6 năm từ ngày 03 tháng 12 năm 2018 với lãi suất là 5,925 %/năm từ ngày 06/12/2023 tới ngày 06/12/2024 (từ ngày 06/12/2022 tới ngày 06/12/2023 là 8,1%/năm).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Khu vực Tân Thành - Đồng Nai	725.963.571	409.275.251
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh	302.275.620	723.810.771
Khu vực Thành phố Vũng Tàu	175.383.567	271.954.696
Khu vực Bà Rịa	-	81.294.880

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2023	01/01/2023		
	VND	VND		
Bên liên quan				
Công ty CP Đầu tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	257.540.040	1.069.189.990		
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	117.797.111	58.909.091		
Cộng	1.578.959.909	2.614.434.679		
<p>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.</p>				
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
	31/12/2023	01/01/2023		
	VND	VND		
Ông Nguyễn Thế Đô - Bà Đoàn Thị Dung	2.600.000.000	2.600.000.000		
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Tổng hợp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	479.375.000	479.375.000		
Trả trước cho người bán khác	283.000.000	453.299.360		
Cộng	3.362.375.000	3.532.674.360		
5. Phải thu khác				
	31/12/2023	01/01/2023		
	VND	VND		
Phải thu ngắn hạn khác	3.361.591.779	2.177.586.625		
Tạm ứng	3.291.700.000	179.615.801		
Lãi tiền gửi dự thu	-	82.191.780		
Lãi trái phiếu dự thu	8.558.333	10.750.000		
Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án	-	1.809.000.000		
Phải thu khác	61.333.446	96.029.044		
Phải thu dài hạn khác	2.696.214.543	818.063.892		
Ký quỹ phục hồi môi trường khai thác mỏ	887.214.543	818.063.892		
Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án	1.809.000.000	-		
Cộng	6.057.806.322	2.995.650.517		
6. Hàng tồn kho				
	31/12/2023	01/01/2023		
	Giá gốc Dự phòng	Giá gốc Dự phòng		
	VND VND	VND VND		
Nguyên liệu, vật liệu	17.654.314.099	-	21.018.471.466	-
Công cụ dụng cụ	127.613.157	-	208.065.122	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.210.879.259	-	3.937.253.096	-
Thành phẩm	21.501.527.912	-	12.731.721.240	-
Hàng hóa	273.977.570	-	194.777.494	-
Cộng	41.768.311.997	-	38.090.288.418	-

2138
 ĐĂNG KÝ
 CHIẾM B
 VỤ TƯ
 LĨNH KÌ
 .IẾM T
 M VII
 P. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	36.431.556	456.565.500
Lệ phí quyền khai thác khoáng sản	-	456.565.500
Chi phí công cụ dụng cụ	36.431.556	-
b) Chi phí trả trước dài hạn	658.861.293	880.192.441
Chi phí công cụ dụng cụ	37.560.000	1.022.800
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	349.178.573	525.410.081
Quyền khai thác khoáng sản	272.122.720	353.759.560
Cộng	695.292.849	1.336.757.941



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	25.156.961.502	692.025.000	25.848.986.502
Số tăng trong năm (*)	350.178.000	-	350.178.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	25.507.139.502	692.025.000	26.199.164.502
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	16.797.286.580	678.900.000	17.476.186.580
Khấu hao trong năm	1.530.373.200	7.500.000	1.537.873.200
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	18.327.659.780	686.400.000	19.014.059.780
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	8.359.674.922	13.125.000	8.372.799.922
Tại ngày cuối năm	7.179.479.722	5.625.000	7.185.104.722

Ghi chú : (*) Quyền sử dụng đất tăng trong năm là do hoàn nhập việc thanh lý không thành công thửa đất 1030 với diện tích 903,9 m2 và thửa đất số 1031 với diện tích 487,8 m2 của năm 2021.

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	2.495.595.904	2.495.595.904
- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:	1.608.208.418	1.645.325.618
10. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Mua sắm tài sản cố định	22.396.319.413	22.396.319.413
Đất mở rộng kho chứa nguyên liệu tại Nhà máy	2.356.470.000	2.356.470.000
Dự án Nhà máy gạch ngói cao cấp – Châu Đức	17.759.863.413	17.759.863.413
Mua sắm tài sản cố định khác	2.279.986.000	2.279.986.000
Xây dựng cơ bản dở dang	42.729.217.483	42.390.688.192
Dự án Mỏ sét Mỹ Xuân 1 mở rộng	1.386.053.447	1.386.053.447
Dự án Nhà máy gạch Châu Đức, Suối Rao	39.080.830.952	38.606.265.452
Xây dựng cơ bản dở dang khác	2.262.333.084	2.398.369.293
Cộng	65.125.536.896	64.787.007.605

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV Hùng Vũ	6.734.834.570	6.734.834.570	8.318.835.250	8.318.835.250
Công ty TNHH Cơ khí đúc Thành Đồng	-	-	574.437.600	574.437.600
Công ty TNHH Bao bì giấy Tân Long	-	-	109.386.806	109.386.806
Phải trả người bán khác	987.803.245	987.803.245	2.773.957.600	2.773.957.600



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bên liên quan

Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân 3.673.624.033 3.673.624.033 10.268.876.538 10.268.876.538

Cộng 11.396.261.848 11.396.261.848 22.045.493.794 22.045.493.794

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Khu vực Thành phố Vũng Tàu	424.091.380	630.928.980
Khu vực Bà Rịa	53.285.989	-
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh	35.324.994	-
Cộng	512.702.363	630.928.980

13. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp /cán trừ trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
a). Thuế phải nộp	10.520.122.720	19.807.306.346	28.156.394.128	2.171.034.938
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	41.392.056	8.791.393.233	8.832.785.289	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.520.035.728	6.089.747.460	14.274.070.226	1.335.712.962
Thuế thu nhập cá nhân	464.310.056	2.255.258.669	2.378.705.229	340.863.496
Thuế tài nguyên	-	1.782.024.339	1.781.950.739	73.600
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	494.384.880	41.886.274	41.886.274	494.384.880
Các loại thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	836.996.371	836.996.371	-
b). Thuế phải thu	11.973.500	-	-	11.973.500
Thuế xuất nhập khẩu	11.973.500	-	-	11.973.500

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	323.752.420	237.842.100
Bảo hiểm xã hội	589.455.450	613.593.750
Bảo hiểm y tế	104.021.550	108.757.170
Bảo hiểm thất nghiệp	46.231.800	48.125.000
Phải trả cổ tức, lợi nhuận được chia	351.468.130	240.711.050
Phải trả lãi vay	32.602.213	5.591.836
Phải trả khác	32.147.771	15.053.872
Cộng	1.479.679.334	1.269.674.778

3052
 CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN
 THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
 TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN
Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ	Tăng trong năm VNĐ	Giảm trong năm VNĐ	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ
a) Vay ngắn hạn	1.332.000.000	1.332.000.000	43.830.117.408	33.562.980.708	11.599.136.700	11.599.136.700
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	42.498.117.408	32.230.980.708	10.267.136.700	10.267.136.700
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Phú Mỹ	-	-	22.554.553.969	12.287.417.269	10.267.136.700	10.267.136.700
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vũng Tàu	-	-	19.943.563.439	19.943.563.439	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.332.000.000	1.332.000.000	1.332.000.000	1.332.000.000	1.332.000.000	1.332.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vũng Tàu (*)	1.332.000.000	1.332.000.000	1.332.000.000	1.332.000.000	1.332.000.000	1.332.000.000
b) Vay dài hạn	2.670.000.000	2.670.000.000	-	1.332.000.000	1.338.000.000	1.338.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vũng Tàu (*)	2.670.000.000	2.670.000.000	-	1.332.000.000	1.338.000.000	1.338.000.000
Cộng	4.002.000.000	4.002.000.000	43.830.117.408	34.894.980.708	12.937.136.700	12.937.136.700

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu:

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn: Số 01-2020/HDTL/GMX ngày 30 tháng 09 năm 2020

Phụ lục: Số 01-2020/HDTL/GMX/PL01 ngày 12 tháng 05 năm 2021 thay đổi phương thức trả nợ gốc

Số tiền vay: 6.000.000.000 VND

Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân lần đầu tiên

Phương thức cho vay: Cho vay từng lần

Lãi suất: Áp dụng lãi suất Chương trình cho vay trung dài hạn VND (tại 31/12/2023 là 08% - 10%/năm và 31/12/2022 là 08%/năm)

Mục đích: Tài trợ cho nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư xây dựng nghiên cứu - trộn tại địa chỉ Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Biện pháp đảm bảo: - Quyền sử dụng đất tại Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và toàn bộ công trình xây dựng thuộc nhà máy Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (khu vực đây chuyên III): Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 657233 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01-2017-HDTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017.

- Quyền sử dụng đất tại Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và toàn bộ công trình xây dựng thuộc nhà máy Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (khu vực đây chuyên II và công trình thuộc đây chuyên sản xuất ngói xi măng màu không nung): Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 657232 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01-2017-HDTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017.
- Quyền khai thác mỏ sét Mỹ Xuân 1, Xã Mỹ Xuân, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp Quyền khai thác tài nguyên số 02-2017/HDTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017.
- Máy móc thiết bị thuộc Dây chuyền II, dây chuyền ngói xi măng màu không nung và dây chuyền III - Nhà máy Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân theo Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 03-2017/HDTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017.
- Dây chuyền máy nghiền - trộn tại Nhà máy theo Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 01-2020/HDTC MMTB/GMX ngày 30 tháng 9 năm 2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	90.406.970.000	(62.460.000)	468.912.493	1.380.618.558	14.089.324.977	106.283.366.028
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	43.581.677.324	43.581.677.324
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2022	-	-	871.633.546	871.633.546	(19.741.047.649)	(17.997.780.557)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	-	(7.679.283.350)	(7.679.283.350)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	-	(9.034.451.000)	(9.034.451.000)
Truy thu theo Quyết toán thuế	-	-	-	(210.473.349)	-	(210.473.349)
Số dư cuối năm trước	90.406.970.000	(62.460.000)	1.340.546.039	2.041.778.755	21.216.220.302	114.943.055.096
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	23.635.639.133	23.635.639.133
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2023	-	-	472.712.784	472.712.784	(6.145.266.178)	(5.199.840.610)
Tăng khác	-	-	2.683.070.930	-	-	2.683.070.930
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	-	(9.034.451.000)	(9.034.451.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023 (*)	-	-	-	-	(7.227.560.800)	(7.227.560.800)
Truy thu theo Quyết toán thuế	-	-	-	(65.052.521)	-	(65.052.521)
Giảm khác	-	-	-	-	(460.221.236)	(460.221.236)
Số dư cuối năm nay	90.406.970.000	(62.460.000)	4.496.329.753	2.449.439.018	21.984.360.221	119.274.638.992

(*) Ghi chú: Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2023 cho việc chia cổ tức và trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. Số liệu chính thức sẽ được thông qua Đại Hội Đồng cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	90.406.970.000	90.406.970.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	90.406.970.000	90.406.970.000
Cổ tức đã chia	16.262.011.800	16.713.734.350
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-
- Chia cổ tức bằng tiền	16.262.011.800	16.713.734.350

c) Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.040.697	9.040.697
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.040.697	9.040.697
- Cổ phiếu phổ thông	9.040.697	9.040.697
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(6.246)	(6.246)
- Cổ phiếu phổ thông	(6.246)	(6.246)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.034.451	9.034.451
- Cổ phiếu phổ thông	9.034.451	9.034.451

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu gạch ngói đất sét nung	166.277.627.673	241.572.912.046
- Gạch xây tường	89.711.336.290	125.034.265.639
- Sản phẩm trang trí	76.566.291.383	116.538.646.407
Doanh thu ngói xi măng màu	25.473.030.337	42.350.475.709
Doanh thu khác	1.639.871.460	2.872.545.460
Cộng	193.390.529.470	286.795.933.215
Doanh thu đối với các bên liên quan	34.810.726.615	44.914.759.157
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Học Minh Thành	27.682.950.789	34.728.267.826
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	6.229.167.150	7.975.516.431
Công ty CP Đầu tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	567.298.000	1.562.591.420
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	329.955.000	648.383.480
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Gia Thắng	1.355.676	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	19.792.500	4.392.700
Cộng	19.792.500	4.392.700
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần gạch ngói đất sét nung	166.257.835.173	241.568.519.346
- Gạch xây tường	89.711.336.290	125.034.265.639
- Sản phẩm trang trí	76.546.498.883	116.534.253.707
Doanh thu thuần ngói xi măng màu	25.473.030.337	42.350.475.709
Doanh thu thuần khác	1.639.871.460	2.872.545.460
Cộng	193.370.736.970	286.791.540.515
4. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn gạch ngói đất sét nung	105.553.994.612	140.007.128.427
- Gạch xây tường	57.591.380.299	69.571.599.734
- Sản phẩm trang trí	47.962.614.313	70.435.528.693
Giá vốn ngói xi măng màu	22.647.510.124	37.630.821.944
Giá vốn hoạt động khác	895.852.600	2.018.886.754
Cộng	129.097.357.336	179.656.837.125
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	72.332.435	408.501.607
Lãi đầu tư trái phiếu	159.808.333	126.604.167
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	42.940.648
Cộng	232.140.768	578.046.422
6. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	752.776.544	527.641.114
Cộng	752.776.544	527.641.114
7. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.955.749.561	10.907.559.597
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	4.420.230.185	6.419.271.085
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	330.511.119	732.242.113



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.500.000	20.292.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.673.433.684	14.363.060.650
Chi phí bằng tiền khác	199.581.259	232.517.312
Cộng	19.587.005.808	32.674.943.377
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.761.015.223	13.862.856.121
Chi phí đồ dùng văn phòng	189.478.128	375.902.035
Chi phí khấu hao tài sản cố định	136.069.554	267.613.611
Thuế, phí và lệ phí	51.886.274	27.821.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.553.038.641	2.358.938.267
Chi phí bằng tiền khác	1.285.256.808	1.201.817.322
Cộng	13.976.744.628	18.094.948.604
9. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	21.384.430	6.026.497
Cộng	21.384.430	6.026.497
10. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản nộp phạt	5.056.661	155.754.425
Chi phí khác	405.206.488	1.273.293.941
Cộng	410.263.149	1.429.048.366
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

2138
 0NG'
 HIỆM I
 VU TI
 NH KI
 IẾM T
 M VII
 3. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.800.114.703	54.992.194.848
Các khoản điều chỉnh	1.022.263.149	2.060.392.767
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.022.263.149	2.060.392.767
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	30.822.377.852	57.052.587.615
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.164.475.570	11.410.517.524

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.635.639.133	43.581.677.324
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng BĐH quản lý)	5.199.840.610	15.314.709.627
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.435.798.523	28.266.967.697
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.034.451	9.034.451
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2.041	3.129
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.041	3.129

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được điều chỉnh hồi tố do Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đã được điều chỉnh bởi trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 với tổng giá trị là 2.683.070.930 đồng (xem thuyết minh VIII.5)

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.893.480.175	104.698.366.292
Chi phí nhân công	53.848.233.484	77.406.922.876
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.944.728.188	10.963.786.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.095.696.747	43.163.035.143
Chi phí khác bằng tiền	3.922.402.013	3.512.754.668
Cộng	169.704.540.607	239.744.865.875



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vay theo kế ước thông thường	42.498.117.408	13.278.497.128

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(33.562.980.708)	(22.767.641.652)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Cùng chủ đầu tư	Mua hàng hóa và dịch vụ	46.265.636.212	71.977.027.554
Công ty CP Đầu tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	Cùng chủ đầu tư	Mua hàng hóa	-	1.784.494.646

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong năm như sau:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Dư Quốc Trung	Chủ tịch	240.000.000	208.000.000
Ông Ngô Thành Cương	Thành viên	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên	96.000.000	96.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

		Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Lưu Thanh Bình	Thành viên	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên	96.000.000	96.000.000
Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát			
Ông Hoàng Văn Thái	Trưởng ban	84.000.000	84.000.000
Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên	108.000.000	96.000.000
Bà Phạm Thị Hương Duyên	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Tổng Giám đốc			
Lương, thưởng và phúc lợi khác		1.161.756.046	911.678.455
Những người quản lý khác			
Lương, thưởng và phúc lợi khác		4.234.915.518	2.259.302.943

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất gạch, ngói các loại và doanh thu chủ yếu của Công ty là từ hoạt động này. Doanh thu và giá vốn đã được thuyết minh tại VI.1 và VI.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ đăng ký kinh doanh hoạt động tại Việt Nam và không có khoản đầu tư nào ra nước ngoài, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.502.229.836		24.821.282.177	
Phải thu của khách hàng	1.578.959.909		2.614.434.679	
Phải thu khác	6.057.806.322		2.995.650.517	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000		2.000.000.000	
Cộng	17.138.996.067		32.431.367.373	
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán	11.396.261.848		22.045.493.794	
Phải trả khác	1.479.679.334		1.269.674.778	
Các khoản vay	12.937.136.700		4.002.000.000	
Cộng	25.813.077.882		27.317.168.572	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm kế toán theo thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Tài sản đảm bảo

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, Quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị còn lại tương ứng là 1.608.208.418 VND đang được sử dụng để thế chấp cho khoản các khoản vay ngắn hạn Ngân TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu (xem Thuyết minh số V.15) và không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Hội đồng quản trị Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Hội đồng quản trị cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Số cuối năm	24.475.077.882	1.338.000.000	25.813.077.882
Phải trả người bán	11.396.261.848	-	11.396.261.848
Phải trả khác	1.479.679.334	-	1.479.679.334
Các khoản vay	11.599.136.700	1.338.000.000	12.937.136.700

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	<u>Trong vòng 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	24.647.168.572	2.670.000.000	27.317.168.572
Phải trả người bán	22.045.493.794	-	22.045.493.794
Phải trả khác	1.269.674.778	-	1.269.674.778
Các khoản vay	1.332.000.000	2.670.000.000	4.002.000.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán. Số liệu này đã được điều chỉnh hồi tố do trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 theo nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 21 tháng 04 năm 2023 với giá trị là 2.683.070.930 đồng và số liệu đầu năm được trình bày lại như sau :



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2022	Năm 2022	Chênh lệch
	(Sau điều chỉnh)	(Trước điều chỉnh)	
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.266.967.697	25.583.896.767	2.683.070.930
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.129	2.832	297
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.129	2.832	297

Một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán được trình bày lại như sau:

Bảng cân đối kế toán	01/01/2023	31/12/2022	Chênh lệch
	(Sau điều chỉnh)	(Trước điều chỉnh)	
Chi phí trả trước dài hạn	880.192.441	11.544.545.441	(10.664.353.000)
<i>Quyền sử dụng đất mỏ sét Suối Rao</i>	-	10.664.353.000	(10.664.353.000)
Tài sản cố định hữu hình	39.792.035.278	49.815.123.345	(10.023.088.067)
<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	53.222.973.333	63.246.061.400	(10.023.088.067)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	64.787.007.605	44.099.566.538	20.687.441.067
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	42.390.688.192	21.703.247.125	20.687.441.067
<i>Dự án Nhà máy gạch Châu Đức, Suối Rao</i>	38.606.265.452	17.918.824.385	20.687.441.067

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Lưu Thị Mai

Trần Thị Cảnh

Nguyễn Văn Sơn

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI GÓM XD MỸ XUÂN**

---***---

Số: 29/CV-GMX-2024

"V/v: giải trình biến động trên 10% kết quả
kinh doanh năm 2023 so với cùng kỳ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

-----oOo-----

Vũng Tàu, Ngày 29 Tháng 03 Năm 2024

Kính Gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân xin giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh tại thời điểm năm 2023 so với năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	193.370.736.970	286.791.540.515	(93.420.803.545)	-32,57%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.800.114.703	54.992.194.848	(25.192.080.145)	-45,81%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập	23.635.639.133	43.581.677.324	(19.946.038.191)	-45,77%

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 của công ty giảm 45,77 % so với cùng kỳ năm 2022 là do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu năm 2023 giảm sâu so với cùng kỳ năm 2022 là 32,57% do nhu cầu thị trường giảm mạnh, thị trường lao động bị mất việc làm kéo dài và chưa được phục hồi làm cho sản lượng tiêu thụ giảm 31,06% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi phí năng lượng và nguyên vật liệu đầu vào năm 2023 vẫn tiếp tục tăng làm tăng chi phí sản xuất và giảm Lợi nhuận.

- Việc áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ và siết chặt tín dụng Bất động sản của nhà nước cũng là nguyên nhân dẫn đến nhu cầu tiêu dùng bị ảnh hưởng lớn.

- Với nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB.CNV, Công ty chúng tôi sẽ ra sức tiết kiệm chi phí và vận dụng tối đa mọi nguồn lực để hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân về Kết quả kinh doanh năm 2023 biến động trên 10% so với cùng kỳ năm 2022.

Xin trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên
- Văn thư
- Phòng TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI GÓM XD MỸ XUÂN
SỐ 30/CV.GMX-2024**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
-----o0o-----**

**V/v: CBTT Báo cáo tài chính
năm 2023 (đã được kiểm toán)**

Phú Mỹ, Ngày 29 Tháng 03 năm 2024

**Kính Gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân
2. Mã Chứng Khóan : GMX
3. Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố Suối Nhum – Phường Hắc Dịch – Thị xã Phú Mỹ - Tỉnh BRVT
4. Điện thoại: 02543.893150 Fax: 02543.894168
5. Người thực hiện công bố thông tin : Lưu Thị Mai
6. Nội dung của thông tin công bố :
 - 6.1 Báo cáo tài chính năm 2023 (đã được kiểm toán) của Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân được lập ngày 25/03/2024 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp biến động trên 10% so với cùng kỳ năm trước.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.myxuan-vt.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:
-

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Lưu Thị Mai

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Năm 2023 (Đã kiểm toán) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân

- Mã Chứng khoán: GMX

- Địa chỉ: KP.Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, TX.Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Điện thoại liên hệ/ Tel: 0987789047 Fax: 02543.894.168

- Email: luumaimx@gmail.com Website: www.myxuan-vt.com.vn

2. Nội Dung Thông tin công bố :

- BCTC năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC (Đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước :

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại :

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Tông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 25/03/2024 tại đường dẫn: www.myxuan-vt.com.vn

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023:

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không có

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (Căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:

Đại diện tổ chức
NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Lưu Thị Mai